

UBND THỊ XÃ KỲ ANH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THỊ XÃ ĐỢT THỨ 2
NĂM HỌC 2018-2019

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Lớp đang học	Môn dự thi	HS trường	Điểm thi	Xếp giải	Ghi chú
1	71	Phùng Nguyễn Anh Vũ	17	04	2004	9G	Hóa học	THCS Sông Trí	18,00	Nhất	
2	50	Đinh Bảo Phúc	21	05	2004	9G	Vật lý	THCS Sông Trí	17,50	Nhất	
3	32	Trần Công Hiếu	13	01	2004	9G	Hóa học	THCS Sông Trí	16,75	Nhì	
4	25	Hoàng Nguyên Giáp	03	06	2004	9E	Vật lý	THCS Sông Trí	16,50	Nhì	
5	39	Trần Nhật Long	11	05	2004	9H	Sinh học	THCS Sông Trí	16,50	Nhì	
6	24	Nguyễn Thị Thùy Dung	19	09	2004	9E	Sinh học	THCS Sông Trí	16,00	Nhì	
7	33	Phan Thị Hồng	22	05	2004	9A	Lịch sử	THCS Sông Trí	16,00	Nhì	
8	36	Phan Thị Ngọc Linh	03	02	2004	9E	Hóa học	THCS Sông Trí	15,50	Nhì	
9	69	Phan Lưu Vân	21	01	2004	9E	Lịch sử	THCS Sông Trí	15,00	Nhì	
10	68	Trần Nguyễn Phương Uyên	16	03	2004	9E	Lịch sử	THCS Sông Trí	14,75	Nhì	
11	99	Nguyễn Thị Hương	3	2	2004	9E	Lịch sử	THCS Kỳ Thịnh	14,25	Nhì	
12	4	Nguyễn Hoàng Anh	10	10	2004	9G	Sinh học	THCS Sông Trí	14,00	Nhì	
13	17	Trịnh Thị Kim Dục	23	7	2004	9A	Địa lý	THCS Kỳ Ninh	14,00	Nhì	
14	28	Lê Thị Thu Hằng	20	8	2004	9A	Sinh học	THCS Kỳ Ninh	14,00	Nhì	
15	30	Nguyễn Thị Hằng	6	3	2005	8A	Sinh học	THCS Kỳ Trinh	14,00	Nhì	
16	38	Nguyễn Phú Lộc	30	01	2004	9E	Hóa học	THCS Sông Trí	14,00	Nhì	
17	41	Đỗ Thị Quỳnh Mai	05	10	2004	9E	Hóa học	THCS Sông Trí	14,00	Nhì	
18	46	Trần Thị Hạnh Ngân	27	10	2004	9D	Lịch sử	THCS Sông Trí	14,00	Nhì	
19	53	Đinh Thị Như Quỳnh	22	1	2004	9A	Lịch sử	THCS Kỳ Ninh	13,75	Ba	
20	5	Đinh Thục Anh	07	11	2004	9D	Địa lý	THCS Sông Trí	13,50	Ba	
21	15	Nguyễn Thành Đạt	11	11	2005	8A	Vật lý	THCS Sông Trí	13,50	Ba	
22	31	Trần Thu Hiền	12	04	2004	9D	Lịch sử	THCS Sông Trí	13,50	Ba	
23	43	Dương Thanh Minh	02	09	2005	8A	Vật lý	THCS Sông Trí	13,50	Ba	
24	66	Nguyễn Thị Trúc	01	08	2004	9I	Sinh học	THCS Sông Trí	13,50	Ba	
25	139	Lê Thị Thủy	25	6	2004	9E	Hóa học	THCS Kỳ Thịnh	13,50	Ba	
26	11	Nguyễn Thị Linh Chi	01	02	2004	9E	Sinh học	THCS Sông Trí	13,00	Ba	
27	19	Nguyễn Quang Đức	13	08	2004	9G	Vật lý	THCS Sông Trí	13,00	Ba	

28	64	Võ Thị Diệu Trinh	23	06	2004	9H	Sinh học	THCS Sông Trí	13,00	Ba	
29	106	Đậu Thị Mai Linh	2	6	2004	9C	Lịch sử	THCS Kỳ Long	13,00	Ba	
30	20	Nguyễn Thị Dung	26	08	2004	9A	Lịch sử	THCS Sông Trí	12,50	Ba	
31	49	Trần Thị Hoài Nhung	20	10	2004	9A	Sinh học	THCS Kỳ Trinh	12,50	Ba	
32	96	Trần Thị Hoài	10	6	2004	9C	Lịch sử	THCS Kỳ Phương	12,50	Ba	
33	109	Lê Thị Lĩnh	7	2	2005	8D	Lịch sử	THCS Kỳ Thịnh	12,50	Ba	
34	117	Trần Thị Ánh Ngọc	20	3	2004	9C	Địa lý	THCS Kỳ Long	12,50	Ba	
35	134	Lê Thị Thanh	13	7	2004	9D	Lịch sử	THCS Kỳ Thịnh	12,50	Ba	
36	6	Nguyễn Quốc Anh	01	09	2005	8A	Vật lý	THCS Sông Trí	12,25	Ba	
37	105	Nguyễn Thị Linh	15	1	2004	9C	Lịch sử	THCS Kỳ Long	12,25	Ba	
38	18	Lê Anh Đức	23	10	2004	9G	Hóa học	THCS Sông Trí	12,25	Ba	
39	9	Trần Thị Bình	7	6	2004	9A	Sinh học	THCS Kỳ Ninh	12,00	Ba	
40	42	Nguyễn Thị Thanh Mai	15	11	2004	9B	Sinh học	TH&THCS Kỳ Hoa	12,00	Ba	
41	55	Võ Công Thành	29	07	2005	8A	Vật lý	THCS Sông Trí	12,00	Ba	
42	81	Nguyễn Hoàng Châu	7	7	2004	9E	Lịch sử	THCS Kỳ Thịnh	12,00	Ba	
43	114	Lê Nguyễn Ly Na	18	11	2004	9E	Hóa học	THCS Kỳ Thịnh	12,00	Ba	
44	138	Nguyễn Thị Thương	31	3	2004	9C	Địa lý	THCS Kỳ Long	12,00	Ba	
45	76	Trịnh Thị Vân Anh	13	1	2004	9E	Lịch sử	THCS Kỳ Thịnh	11,75	KK	
46	127	Trịnh Thị Oanh	20	2	2004	9E	Địa lý	THCS Kỳ Thịnh	11,75	KK	
47	16	Phan Công Tiến Đoàn	08	01	2004	9G	Vật lý	THCS Sông Trí	11,50	KK	
48	91	Hoàng Thị Kim Hoa	27	7	2005	8C	Địa lý	THCS Kỳ Phương	11,50	KK	
49	112	Lê Thị Khánh Ly	2	9	2004	9D	Lịch sử	THCS Kỳ Thịnh	11,50	KK	
50	128	Nguyễn Trung Phong	22	10	2004	9C	Hóa học	THCS Kỳ Long	11,50	KK	
51	1	Hồ Văn Đức An	21	02	2004	9H	Địa lý	THCS Sông Trí	11,25	KK	
52	40	Nhự Văn Long	07	03	2004	9I	Địa lý	THCS Sông Trí	11,25	KK	
53	2	Hoàng Thị Hoài An	20	10	2004	9A	Hóa học	TH&THCS Kỳ Hoa	11,00	KK	
54	8	Nguyễn Văn Bắc	16	12	2004	9H	Vật lý	THCS Sông Trí	11,00	KK	
55	13	Trần Thị Đào	26	8	2005	8A	Địa lý	THCS Kỳ Ninh	11,00	KK	
56	14	Lê Thái Đạt	01	06	2004	9I	Địa lý	THCS Sông Trí	11,00	KK	
57	26	Nguyễn Ngọc Cẩm Hà	8	11	2005	8A	Sinh học	THCS Kỳ Trinh	11,00	KK	
58	48	Nguyễn Thị Hà Nhi	20	7	2004	9A	Địa lý	THCS Kỳ Ninh	11,00	KK	

59	126	Lê Thị Kim Oanh	27	7	2004	9E	Hóa học	THCS Kỳ Thịnh	11,00	KK	
60	129	Trần Thị Như Quỳnh	13	2	2004	9A	Sinh học	THCS Kỳ Nam	11,00	KK	
61	47	Trần Bảo Ngọc	12	08	2004	9E	Địa lý	THCS Sông Trí	10,75	KK	
62	12	Dương Nguyên Chương	11	11	2004	9G	Hóa học	THCS Sông Trí	10,50	KK	
63	44	Đào Hà My	16	12	2004	9H	Địa lý	THCS Sông Trí	10,50	KK	
64	51	Doãn Thị Mỹ Phúc	15	7	2004	9A	Hóa học	TH&THCS Kỳ Hoa	10,50	KK	
65	54	Phạm Nguyên Thành	25	08	2004	9E	Sinh học	THCS Sông Trí	10,50	KK	
66	58	Nguyễn Anh Thảo	21	12	2004	9G	Hóa học	THCS Sông Trí	10,50	KK	
67	78	Nguyễn Thị Hồng Ánh	11	4	2004	9C	Địa lý	THCS Kỳ Phương	10,50	KK	
68	90	Lê Thị Hiếu	25	12	2004	9D	Địa lý	THCS Kỳ Thịnh	10,50	KK	
69	110	Lê Thị Hồng Loan	22	2	2005	8D	Lịch sử	THCS Kỳ Thịnh	10,50		
70	118	Nguyễn Thị Ngọc	17	7	2004	9E	Sinh học	THCS Kỳ Thịnh	10,50	KK	
71	62	Trần Thị Huyền Trang	31	8	2004	9A	Sinh học	THCS Kỳ Ninh	10,25	KK	
72	116	Nguyễn Thị Hòa Trâm	23	10	2004	9C	Lịch sử	THCS Kỳ Long	10,25		
73	72	Lê Lê Vy	26	7	2004	9A	Hóa học	TH&THCS Kỳ Hoa	10,25	KK	
74	57	Phạm Thị Thảo	26	6	2005	8A	Lịch sử	THCS Kỳ Ninh	10,00		
75	73	Trần Thị Yến	6	7	2004	9A	Hóa học	THCS Kỳ Ninh	10,00		
76	102	Võ Thị Ngọc Huyền	4	12	2004	9E	Lịch sử	THCS Kỳ Thịnh	10,00		
77	113	Nguyễn Thị Mai	11	2	2004	9E	Địa lý	THCS Kỳ Thịnh	10,00	KK	
78	122	Lê Hồng Nhung	10	2	2004	9C	Địa lý	THCS Kỳ Long	10,00	KK	
79	124	Nguyễn Thị Hồng Nhung	8	4	2004	9C	Địa lý	THCS Kỳ Phương	10,00	KK	
80	132	Lê Thị Tâm	13	1	2004	9D	Địa lý	THCS Kỳ Thịnh	10,00	KK	
81	135	Võ Xuân Thành	14	9	2004	9C	Hóa học	THCS Kỳ Long	10,00		
82	61	Trần Thị Hoài Thương	15	8	2004	9A	Lịch sử	THCS Kỳ Hà	10,00		
83	37	Đào Nhật Linh	28	5	2004	9A	Sinh học	TH&THCS Kỳ Hoa	9,50	KK	
84	94	Nguyễn Thị Thu Hoài	29	8	2004	9C	Sinh học	THCS Kỳ Long	9,50	KK	
85	119	Lê Tiến Ngọc	23	10	2004	9A	Vật lý	THCS Kỳ Lợi	9,50	KK	
86	7	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	20	03	2004	9G	Sinh học	THCS Sông Trí	9,00	KK	
87	27	Mai Xuân Hải	8	9	2004	9A	Lịch sử	THCS Kỳ Hà	9,00		
88	79	Lê Ngọc Ánh	12	5	2004	9A	Địa lý	THCS Kỳ Lợi	9,00		
89	82	Trần Thị Uyên Chi	13	2	2004	9A	Địa lý	THCS Kỳ Nam	9,00		

90	95	Lê Thị Thu Hoài	21	7	2004	9C	Hóa học	THCS Kỳ Phương	9,00		
91	107	Lê Thị Mỹ Linh	5	2	2005	8C	Địa lý	THCS Kỳ Phương	9,00		
92	131	Trần Xuân Sơn	9	5	2004	9C	Hóa học	THCS Kỳ Long	9,00		
93	145	Lê Đức Thịnh	7	5	2004	9A	Sinh học	THCS Kỳ Hà	9,00	KK	
94	143	Chu Đức Vũ	16	8	2004	9A	Địa lý	THCS Kỳ Lợi	8,75		
95	29	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	12	06	2004	9G	Sinh học	THCS Sông Trí	8,50		
96	52	Trần Thị Mai Phương	24	08	2004	9D	Địa lý	THCS Sông Trí	8,50		
97	70	Lê Quang Vinh	1	1	2004	9A	Sinh học	TH&THCS Kỳ Hoa	8,50		
98	85	Dương Văn Đạt	30	7	2004	9C	Hóa học	THCS Kỳ Phương	8,50		
99	92	Nguyễn Thị Hoa	20	11	2004	9A	Địa lý	THCS Kỳ Thịnh	8,50		
100	101	Nguyễn Thị Nhung Huyền	28	6	2004	9E	Sinh học	THCS Kỳ Thịnh	8,50		
101	59	Phan Thị Phương Thảo	20	8	2004	9A	Sinh học	THCS Kỳ Hà	8,25		
102	125	Bùi Thị Hồng Nhung	24	1	2004	9C	Địa lý	THCS Kỳ Phương	8,25		
103	34	Hoàng Thị Kim Khang	27	12	2004	9A	Lịch sử	THCS Kỳ Trinh	8,00		
104	35	Đào Hoàng Lân	2	1	2004	9A	Hóa học	TH&THCS Kỳ Hoa	8,00		
105	67	Phạm Chí Trung	02	11	2004	9E	Vật lý	THCS Sông Trí	8,00		
106	84	Nguyễn Hữu Đạt	28	1	2004	9C	Hóa học	THCS Kỳ Phương	8,00		
107	93	Nguyễn Thị Hoà	16	1	2004	9D	Sinh học	THCS Kỳ Thịnh	8,00		
108	141	Hoàng Nam Tư	10	5	2003	9A	Địa lý	THCS Kỳ Lợi	8,00		
109	22	Nguyễn Thị Dung	22	8	2004	9B	Sinh học	TH&THCS Kỳ Hoa	7,50		
110	88	Nguyễn Thị Hằng	18	1	2004	9E	Sinh học	THCS Kỳ Thịnh	7,50		
111	56	Nguyễn Phương Thảo	15	7	2004	9A	Hóa học	THCS Kỳ Ninh	7,25		
112	3	Phạm Thị Mai Anh	9	10	2004	9A	Sinh học	THCS Kỳ Ninh	7,00		
113	63	Nguyễn Thị Huyền Trang	6	1	2004	9B	Hóa học	TH&THCS Kỳ Hoa	7,00		
114	65	Nguyễn Trương Hà Trinh	13	8	2004	9A	Lịch sử	THCS Kỳ Trinh	7,00		
115	130	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	28	7	2004	9A	Vật lý	THCS Kỳ Lợi	7,00		
116	144	Bùi Khánh Vy	5	1	2004	9C	Lịch sử	THCS Kỳ Long	7,00		
117	136	Nguyễn Tiến Thành	12	10	2004	9C	Sinh học	THCS Kỳ Long	6,50		
118	115	Nguyễn Thị Khánh Nga	6	2	2005	9E	Vật lý	THCS Kỳ Thịnh	6,00		
119	120	Lê Thị Ánh Nguyệt	26	2	2005	8E	Địa lý	THCS Kỳ Thịnh	6,00		
120	23	Hà Nguyễn Thảo Dung	4	10	2004	9A	Lịch sử	THCS Kỳ Hà	5,50		

121	45	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	15	9	2004	9A	Sinh học	THCS Kỳ Hà	5,50		
122	86	Trần Thị Phương Dung	12	8	2004	9C	Sinh học	THCS Kỳ Long	5,50		
123	60	Nguyễn Thị Thương	15	6	2004	9A	Sinh học	THCS Kỳ Trinh	5,00		
124	75	Nguyễn Quốc Anh	4	1	2004	9C	Hóa học	THCS Kỳ Long	5,00		
125	123	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22	12	2004	9C	Hóa học	THCS Kỳ Phương	5,00		
126	133	Mai Xuân Thân	3	2	2004	9A	Địa lý	THCS Kỳ Nam	5,00		
127	137	Chu Thị Thảo	26	4	2004	9A	Địa lý	THCS Kỳ Lợi	5,00		
128	142	Phạm Tuấn Vũ	20	1	2004	9A	Vật lý	THCS Kỳ Phương	5,00		
129	111	Nguyễn Thị Lưu	23	12	2004	9B	Sinh học	THCS Kỳ Lợi	4,50		
130	10	Nguyễn Thị Châu	10	9	2004	9A	Sinh học	THCS Kỳ Hà	4,00		
131	77	Lê Thị Lan Anh	9	10	2005	8E	Địa lý	THCS Kỳ Thịnh	4,00		
132	83	Nguyễn Thị Kim Cúc	1	9	2004	9A	Sinh học	THCS Kỳ Lợi	4,00		
133	103	Nguyễn Thị Kiều Khánh	25	10	2005	8E	Vật lý	THCS Kỳ Thịnh	4,00		
134	108	Trần Thị Bảo Linh	12	10	2005	8E	Vật lý	THCS Kỳ Thịnh	4,00		
135	98	Phạm Văn Hoàng	30	5	2004	9C	Vật lý	THCS Kỳ Phương	3,50		
136	100	Nguyễn Thị Thu Hương	5	10	2004	9A	Địa lý	THCS Kỳ Nam	3,50		
137	97	Lê Thị Hoài	10	3	2005	8E	Địa lý	THCS Kỳ Thịnh	3,25		
138	89	Lê Thị Thúy Hiền	29	9	2005	8E	Địa lý	THCS Kỳ Thịnh	2,50		
139	21	Trần Thị Kim Dung	8	4	2004	9A	Lịch sử	THCS Kỳ Trinh	2,25		
140	74	Nguyễn Thị Hải Yến	28	1	2004	9A	Địa lý	THCS Kỳ Ninh	Vắng		
141	80	Lưu Nguyễn Gia Bảo	5	10	2004	9C	Hóa học	THCS Kỳ Phương	Vắng		
142	87	Lê Việt Hà	3	1	2004	9E	Sinh học	THCS Kỳ Thịnh	Vắng		
143	104	Trịnh Tuấn Kiệt	28	8	2004	9E	Hóa học	THCS Kỳ Thịnh	Vắng		
144	121	Phạm Đức Nhân	18	9	2004	9E	Hóa học	THCS Kỳ Thịnh	Vắng		
145	140	Nguyễn Thị Thùy Trang	4	7	2005	8E	Địa lý	THCS Kỳ Thịnh	Vắng		

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

NGƯỜI ĐỌC ĐIỂM

NGƯỜI GIÁM SÁT

Thị xã Kỳ Anh, ngày 02/11/2018
DUYỆT CỦA TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Viết Thư

Võ Nguyên Hà; Hoàng Kim Phúc

Đào Hương Thơm

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Sum

Vùng	Phòng
1	4
1	3
1	2
1	2
1	3
1	2
1	2
1	2
1	4
1	4
2	6
1	1
1	1
1	2
1	2
1	2
1	3
1	3
1	3
1	1
1	1
1	2
1	3
1	4
2	7
1	1
1	1

1	4
2	6
1	2
1	3
2	5
2	6
2	6
2	7
1	1
2	6
1	1
1	1
1	3
1	3
2	5
2	6
2	7
2	5
2	7
1	1
2	5
2	6
2	7
1	1
1	3
1	1
1	1
1	1
1	1
1	2
1	3

2	7
2	7
1	3
1	1
1	3
1	3
1	3
1	4
2	5
2	5
2	6
2	6
1	4
2	6
1	4
1	4
1	4
2	6
2	6
2	7
2	7
2	7
2	7
1	4
1	2
2	5
2	6
1	1
1	2
2	5
2	5

2	5
2	6
2	7
1	7
2	7
1	2
1	3
1	4
2	5
2	5
2	6
1	4
2	7
1	2
1	2
1	4
2	5
2	5
2	7
1	2
2	5
1	3
1	1
1	4
1	4
2	7
2	7
2	7
2	6
2	6
1	2

1	3
2	5
1	4
2	5
2	7
2	7
2	7
2	7
2	6
1	1
2	5
2	5
2	6
2	6
2	5
2	6
2	5
2	5
1	2
1	4
2	5
2	5
2	6
2	6
2	7